

Số: 615 CT/TCKT

"V/v: Giải trình chênh lệch số liệu giữa BCTC riêng và hợp nhất do đơn vị tự lập và BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ sau kiểm toán"

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Sông Đà 2 xin giải trình với Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về một vài số liệu thay đổi tại BCTC riêng và hợp nhất năm 2017 do Công ty Cổ phần Sông Đà 2 lập và Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất năm 2017 sau khi kiểm toán như sau:

I. Tại Bảng cân đối kế toán:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu thay đổi trên Bảng cân đối kế toán	Số liệu trên Bảng cân đối kế toán do đơn vị tự lập (1)	Số liệu trên Bảng cân đối kế toán sau khi được kiểm toán (2)	Chênh lệch $3 = 2 - 1$
Tổng tài sản	804.834.146.073	804.621.828.035	-212.318.038
Trả trước cho người bán	13.947.882.861	13.862.383.196	-85.499.665
Phải thu ngắn hạn khác	35.862.912.738	35.919.878.888	56.966.150
Hàng tồn kho	393.395.210.122	265.336.805.839	-128.058.404.283
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.627.839.619	543.021.285	-1.084.818.334
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-98.274.465	73.258.454	171.532.919
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	2.477.412.520	126.738.782.590	124.261.370.070
Chi phí trả trước dài hạn	9.620.318.711	11.696.407.546	2.076.088.835



Tổng nguồn vốn	804.834.146.073	804.621.828.035	-212.318.038
Phải trả người bán ngắn hạn	111.513.140.665	111.457.640.900	-55.499.765
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	83.667.296.508	73.985.703.258	-9.681.593.250
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	17.372.632.059	17.548.176.445	175.544.386
Phải trả người lao động	23.216.932.370	22.777.642.951	-439.289.419
Phải trả ngắn hạn khác	11.748.772.040	28.642.133.290	16.893.361.250
Vay nợ thuê tài chính ngắn hạn	231.282.186.074	278.375.465.464	47.093.279.390
Vay nợ thuê tài chính dài hạn	103.006.710.694	56.021.042.479	-46.985.668.215
Lợi nhuận chưa phân phối	7.843.414.283	630.961.868	-7.212.452.415

Nguyên nhân:

- Trả trước cho người bán (3312): - 85.499.665 đồng. Do kiểm toán điều chỉnh phần trả trước cho khách hàng sang tài khoản ký quỹ, ký cược (244) 30.000.000 đồng, bù trừ trả trước cho người bán và phải trả người bán cùng một đối tượng khách hàng 55.499.765 đồng.
- Phải thu ngắn hạn khác: 56.966.150 đồng. Do xí nghiệp Sông Đà 208 hạch toán thêm bút toán tăng TK 141 tạm ứng: 26.966.150 đồng, và đồng thời kiểm toán điều chỉnh tăng TK ký quỹ ký cược (244): 30.000.000 đồng.
- Hàng tồn kho: -128.058.404.283 đồng . Kiểm toán điều chỉnh chi phí dở dang Hồ Xương Rồng từ (TK 154) chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang TK 154 chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn 126.738.782.590 đồng, hạch toán lại bút toán nhập kho tồn kho vật tư, vật liệu.

- Chi phí trả trước ngắn hạn: -1.084.818.334 đồng, do điều chỉnh từ chi phí trả trước ngắn hạn CT Xuân Phương sang chi phí trả trước dài hạn 1.084.818.334 đồng.
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước 175.544.386 đồng do đơn vị sơ suất điều chỉnh nhầm số thuế 175.544.386 đồng.
- Phải trả người lao động : -439.289.419 đồng. đơn vị điều chỉnh lại quỹ lương do trích quá.
- Phải trả ngắn hạn khác: 16.893.361.250 đồng, kiểm toán điều chỉnh bút toán cổ tức phải trả cho các cổ đông theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông từ (TK 421) lợi nhuận chưa phân phối sang (TK 338), điều chỉnh khoản người mua trả tiền trước của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hà Thái sang (TK 338).
- Vay nợ và thuê tài chính ngắn hạn: 47.093.279.390 đồng, kiểm toán điều chỉnh từ vay nợ dài hạn sang nợ ngắn hạn, đây là khoản vay dài hạn đến hạn trả từ ngày 30/06/2017 đến 30/06/2018.
- Vay nợ và thuê tài chính dài hạn: - 46.965.668.215 đồng, do kiểm toán điều chỉnh từ nợ dài hạn đến hạn trả trong năm sang nợ ngắn hạn 47.093.279.390 đồng, và đồng thời đơn vị hạch toán bổ sung khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của khoản vay ngoại tệ -107.611.175 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: -7.212.452.415 đồng, do kiểm toán điều chỉnh bút toán cổ tức phải trả cho các cổ đông theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông từ (TK 421) sang (TK 338) phải trả phải nộp khác. Và đồng thời điều chỉnh lợi nhuận của các đơn vị do điều chỉnh các bút toán liên quan.

II. Tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do đơn vị tự lập	Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi được kiểm toán	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	258.123.443.082	249.381.388.018	-8.742.055.064
Giá vốn hàng bán	237.734.496.549	228.992.441.485	-8.742.055.064
Chi phí tài chính	9.841.981.369	9.949.592.544	107.611.175
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.573.046.986	18.253.589.567	-319.457.419

Thuế TNDN	2.445.147.022	2.633.354.226	188.207.204
Lợi nhuận sau thuế	-8.990.759.885	-8.967.120.845	23.639.040

Nguyên nhân:

- Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán: -8.472.055.064 do đơn vị loại trừ thiếu doanh thu và giá vốn các đơn vị nội bộ.
- Chi phí tài chính: 107.611.175 đồng, do đơn vị hạch toán bổ sung phần chênh lệch tỷ giá tại ngày 30/06/2017.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: -319.457.419, giảm chi phí đơn vị điều chỉnh lại quỹ lương,
- Chi phí thuế TNDN: 188.207.207 đồng, do sơ suất đơn vị xác định sai số thuế TNDN phải nộp.
- Lợi nhuận sau thuế: 23.639.040 đồng, do thay đổi chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp nên dẫn đến lợi nhuận sau thuế tăng 23.639.040 đồng so với trước kiểm toán.

Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh thay đổi dẫn đến một số chỉ tiêu trên báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cũng chênh lệch và được điều chỉnh tương ứng.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 về một vài số liệu thay đổi tại Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2017 do đơn vị lập và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2017 do đơn vị kiểm toán phát hành.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP, TCKT

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Văn Sơn

